LỜI TỰA

Kinh A Di Đà nói về pháp môn Niệm Phật. Đây là một pháp môn rất nhiệm mầu, dễ dụng công, rất an ổn, mau thành tựu[46]. Nhưng kinh A Di Đà rất khó tin, khó hiểu[8]. Vì vậy tôi đã soạn một số câu kinh, mượn một số lời giảng của các Tổ Tịnh Độ v..v.... để giải thích phần nào những chữ, những câu khó hiểu trong quyển kinh này.

Pháp môn Niệm Phật bao hàm cả 8 giáo môn của Phật, thông suốt được tất cả 5 thời kỳ Phật nói pháp (*nhận xét của Ngẫu Ích đại sư*) nên chỉ với 48 câu chú thích, không thể nói hết được những điểm quan trọng của pháp môn Niệm Phật. Do đó tôi soạn thêm một số lời giảng của các đại sư Tịnh Độ, viết thành bài "Vài lời nói pháp", để tăng thêm lòng tin ở pháp môn mầu nhiệm này và biết cách chuyên tâm niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019

Nguyên Đại - Đỗ hữu Cự

MỤC LỤC

1. **Kinh A Di Đà** : *Từ trang 3 tới trang 13*.

    a. ***Phần 1.*** *Trang 3*: Xác định nơi Phật thuyết pháp và những chúng sanh tham dự pháp hội.

    b. ***Phần 2***. *Từ trang 3 tới trang 7*: Phong cảnh và sinh hoạt của chúng sanh ở thế giới Cực Lạc.

    c. ***Phần 3***. *Từ trang 7 tới trang 12*: Điều kiện để được sanh về thế giới Cực Lạc.

    d. ***Phần 4***. *Từ trang 12 tới trang 13*: Ở Sa Bà rất khó đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật thuyết kinh A Di Đà cũng rất khó vì đây là pháp mà chúng sanh cho là khó tin.

2. **Chú thích**: *Từ trang 14 tới trang 58*

3. **Tóm tắt**: *Từ trang 59 tới trang 61*.

4. **Vài lời nói pháp:** *Từ trang 62 tới trang 71.*

5. **Tài liệu tham khảo**: *Trang 72.*

KINH[1] A DI ĐÀ

Tôi nghe như vầy[2]: Một thời đức Phật[3] ở nước Xá Vệ, trong vườn của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ Đà[4] cùng với một nghìn hai trăm năm mươi đại tỳ khưu[5] tăng[6]. Các vị đều là đại A La Hán[7], được nhiều người biết; như là các ngài trưởng lão Xá Lợi Phất[8], Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Chu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lư Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà.....Đấy là các vị hàng đại đệ tử. Lại có các vị đại Bồ Tát[9] là : Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương tử[10], A Dật Đa Bồ Tát[9], Càn Đa Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng với các vị đại Bồ Tát khác. Cũng có Thích Đề Hoàn Nhân[11], vô lượng chư thiên, đại chúng tham dự pháp hội.

*

Bấy giờ đức Phật bảo ngài trưởng lão Xá Lợi Phất rằng: Từ nơi này đây hướng về phương Tây quá mười vạn ức[12] cõi nước chư

Phật[13], có một thế giới tên là Cực Lạc. Ở thế giới ấy có đức Phật, hiệu là A Di Đà, hiện đang thuyết pháp.

Này Xá Lợi Phất, tại sao cõi kia gọi là Cực Lạc? Chúng sanh cõi đó không có đau khổ[14], chỉ thuần hưởng thụ những sự vui sướng, vì vậy cho nên gọi là Cực Lạc.

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, nước Cực Lạc có bảy tầng lan can, bảy tầng lưới giăng, bảy tầng hàng cây, toàn bằng bốn báu, vây bọc xung quanh. Thế nên nước kia gọi là Cực Lạc.

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc có hồ bảy báu[15], nước tám công đức[16] tràn đầy trong ấy. Toàn thể đáy hồ đều là cát vàng. Đường đi bốn bên làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Bên trên có những lầu các làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Hoa sen trong hồ to như bánh xe[17]. Hoa sen mầu xanh tỏa ánh sáng xanh. Hoa sen mầu vàng tỏa ánh sáng vàng. Hoa sen mầu đỏ tỏa ánh sáng đỏ. Hoa sen mầu trắng tỏa ánh sáng trắng. Các hoa sen ấy nhiệm mầu, thơm, sạch[18]. Này Xá Lợi

Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế[19]!

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, nước đức Phật kia thường trỗi âm nhạc của các cõi trời; đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời, thường thường rải xuống hoa mạn đà la[20]. Chúng sanh cõi ấy vào lúc sáng sớm đều dùng lẵng hoa, đựng những hoa qúy, đem đi cúng dường mười vạn ức Phật ở những phương khác[21]. Khi đến giờ ăn, trở về Cực Lạc; ăn[22] xong, kinh hành[23]. Này Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, nước kia thường có rất nhiều loại chim, mầu sắc lạ đẹp, như chim Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, cùng chim Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, và chim Cộng Mạng.....Những giống chim ấy, ngày đêm sáu thời, hót tiếng hòa nhã, diễn nói các pháp: Năm căn, Năm lực, Bảy phần Bồ Đề, Tám phần Chánh Đạo[24] và nhiều pháp khác. Chúng sanh cõi kia nghe tiếng chim hót, thì đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng[25]. Này Xá Lợi Phất, ông đừng cho rằng những

giống chim ấy đúng thật do tội báo mà sanh ra[26]. Tại sao như vậy? Vì trong nước của đức Phật kia không có ba đường ác[26]. Này Xá Lợi Phất, trong cõi nước kia, ngay tên đường ác cũng còn chẳng có, nữa là thật sự lại có đường ác. Những chim ấy do Phật A Di Đà muốn cho tiếng pháp lan rộng khắp nơi, mà biến hoá ra.

Này Xá Lợi Phất, nước đức Phật kia gió hiu hiu thổi những hàng cây báu cùng những lưới báu, rung động, phát ra những tiếng nhiệm mầu, như trăm ngàn thứ nhạc cùng trỗi lên. Ai nghe tiếng ấy, tự nhiên sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Này Xá Lợi Phất, nước đức Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Này Xá Lợi Phất, ông nghĩ thế nào? Vì sao đức Phật kia có danh hiệu là A Di Đà? Này Xá Lợi Phất, vô lượng quang minh của đức Phật ấy soi các thế giới ở khắp mười phương, không gì chướng ngại, vì vậy danh hiệu của đức Phật ấy là A Di Đà.

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, đức Phật ấy và nhân dân của ngài thọ mạng lâu đến vô

lượng vô biên a tăng kỳ[27] kiếp. Vì vậy danh hiệu của đức Phật ấy là A Di Đà[28].

Này Xá Lợi Phất, Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã là mười kiếp[29] .

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, đức Phật kia có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn[30], là A La Hán, số lượng rất nhiều, không thể tính, đếm để biết rõ được. Các bậc Bồ Tát cũng lại như vậy[31]. Này Xá Lợi Phất, nước đức Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế!

Lại còn đây nữa, ông Xá Lợi Phất, chúng sanh các nơi sanh sang Cực Lạc, đều là những vị chứng ngôi Bất Thoái[31], và trong số đó có rất nhiều vị Nhất Sanh Bổ Xứ[32]. Số này rất đông, không thể tính toán để biết hết được, mà chỉ có thể nói lên bằng số vô lượng vô biên a tăng kỳ thôi.

*

Này Xá Lợi Phất, chúng sanh nào nghe được những lời này, thì nên phát nguyện[44], nguyện sanh Cực Lạc. Tại vì sao vậy? Vì được cùng với các thượng thiện nhân sum họp một chỗ[33].

Này Xá Lợi Phất, không thể chỉ dùng một chút nhân duyên phước đức, thiện căn[34] mà được sanh sang nước đức Phật ấy!

Này Xá Lợi Phất, nếu có người thiện nam hay người thiện nữ[35] nào nghe nói *"Phật A Di Đà"*, chấp trì[41] danh hiệu của đức Phật ấy hoặc trong một ngày, hoặc trong hai ngày, hoặc trong ba ngày, hoặc trong bốn ngày, hoặc trong năm ngày, hoặc trong sáu ngày, hoặc trong bảy ngày, một lòng không loạn thì: Khi lâm chung, người ấy sẽ được Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện trước người ấy, khiến cho khi mất, tâm không điên đảo, liền được sanh sang nước Cực Lạc của Phật A Di Đà[36].

Này Xá Lợi Phất, tôi thấy lợi ấy[37], nói ra lời này. Nếu chúng sanh nào nghe lời nói ấy, thì nên phát nguyện sanh sang nước kia.

Này Xá Lợi Phất, như tôi hôm nay khen lợi ích của công đức không thể nghĩ bàn của đức Phật A Di Đà, thì nơi phương Đông có các đức Phật: A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, và Diệu Âm Phật.....Hằng hà sa số[38] chư Phật như

thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới[39], nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm[40] này".

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương Nam có các đức Phật: Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này."

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương Tây có các đức Phật: Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh

các ngươi phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này."

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương Bắc có các đức Phật: Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sinh Phật, Võng Minh Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này."

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương dưới có các đức Phật: Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật.....Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này."

Này Xá Lợi Phất, thế giới phương trên có các đức Phật: Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật..... Hằng hà sa số chư Phật như thế, ở tại nước mình; các ngài xuất ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: "Chúng sanh các ngươi phải nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này."

Này Xá Lợi Phất, ông nghĩ thế nào? Tại sao gọi là kinh Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm? Này Xá Lợi Phất, nếu có thiện nam hay thiện nữ nào nghe rồi thọ trì[41] kinh giáo này đây, cũng như nghe được danh hiệu chư Phật[42], thì thiện nam này hay thiện nữ ấy đều được tất cả chư Phật hộ niệm[40], không bị thoái chuyển trong đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác[43]. Vì thế cho nên, ông Xá Lợi Phất, các ông đều nên tin nhận lời tôi và lời chư Phật.

Này Xá Lợi Phất, nếu những người nào đã phát nguyện[44] rồi, hiện đang phát nguyện, hay sẽ phát nguyện, mong muốn được sanh sang nước của đức Phật A Di Đà, thì những người ấy đều không thoái chuyển trong đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc họ đã sanh, hoặc hiện đang sanh, hoặc là sẽ sanh vào cõi nước kia. Vì thế cho nên, ông Xá Lợi Phất, các thiện nam tử và thiện nữ nhân, nếu có lòng tin thì nên phát nguyện sanh sang nước ấy.

*

Này Xá Lợi Phất, như tôi hôm nay khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của các đức Phật; các đức Phật ấy cũng lại khen ngợi công đức của tôi không thể nghĩ bàn, mà nói lời này: "Đức Phật Thích Ca hay làm những việc rất khó, hiếm có[45], thường hay ở trong cõi nước Sa Bà, năm thứ ác trược (*Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược)*[45], được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và vì chúng sanh, nói ra pháp mà tất cả thế gian cho là khó tin[46]."

Này Xá Lợi Phất, ông nên biết tôi ở trong cõi đời năm thứ ác trược, làm việc khó làm: Được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; vì cả thế gian, đã nói ra pháp rất khó tin này, là việc rất khó.[47]

Khi đức Phật nói kinh này xong rồi, ông Xá Lợi Phất và các tỳ khưu, hết thảy thế gian, các chúng trời, người và a tu la..... nghe Phật nói pháp, vui mừng, tin, thọ, làm lễ rồi đi[48].

CHÚ THÍCH

1. **Kinh.** Kinh (*sutta*) là những bài thuyết pháp của Phật. Kinh có 2 đặc điểm là khế lý và khế cơ.
   a. ***Khế lý*** (*hợp chân lý*). Kinh Phật nói luôn luôn đúng trong mọi thời đại.
   b. ***Khế cơ*** (*hợp căn cơ*). Tùy theo sự hiểu biết của chúng sanh mà Phật nói pháp, hoặc nói cao, hoặc nói thấp, sao cho ai cũng tin, nhận được sự giáo hóa của Phật, cũng được lợi ích. (*Giáo là giảng dạy. Hóa là chuyển hóa. Giáo hóa chúng sanh là giảng dạy để chuyển chúng sanh từ mê thành giác, giúp chúng sanh hiểu biết thật rõ ràng, chính xác mọi sự việc.*)

2. **Tôi nghe như vầy**. Chữ tôi chỉ ngài A Nan, thị giả của đức Phật Thích Ca, luôn ở bên cạnh Phật, được nghe Phật nói pháp nhiều nhất, có trí nhớ rất tốt, nhớ được từng lời dạy của Phật.

   Tôn giả Ma Ha Ca Diếp, người được đức Phật Thích Ca truyền Tâm ấn cho, *là Tổ chánh truyền thứ nhất, lãnh đạo Tăng đoàn sau khi Phật nhập Niết Bàn, đã nói*: "Pháp của Phật như nước trong biển cả, đều chảy vào tâm của ông A Nan."

   (*Tôn*: *Kính trọng. Giả*: *Người. Tôn giả là bậc tu hành có đức hạnh cao qúy, đáng được tôn trọng.*)

   Sau khi Phật nhập diệt, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp tập họp những đệ tử của Phật đã chứng A La

Hán[7] để ôn lại tất cả những kinh và luật mà Phật đã dạy (*Phật nhập diệt năm 544 trước Tây lịch*). Đây là lần kiết tập kinh điển thứ nhất. Trong lần kiết tập kinh điển này:

a. Đại chúng thỉnh Tôn giả A Nan lên tuyên đọc lại từng bài thuyết pháp của Phật. Y theo lời Phật dặn trước khi nhập Niết Bàn, mỗi kinh đều bắt đầu bằng câu "*Tôi nghe như vầy."*

b. Sau khi Tôn giả A Nan tụng tạng Kinh rồi, Tôn giả Ưu Bà Ly lên pháp tòa tuyên đọc lại tất cả những luật mà Phật đã đặt ra. (*Pháp tòa là chỗ để Pháp sư ngồi nói pháp.*)

Theo sách Phật Học Tinh Yếu của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm thì: "Trong lần kiết tập kinh điển này, chư tăng chỉ hội tụng, chứ không ghi chép.

Có 4 lần kiết tập kinh điển. Mãi tới lần kiết tập thứ tư, do vua Ca Ni Sắc Ca (*vua Canishka tại vị khoảng từ năm 124 tới năm 150 Tây lịch*) tổ chức để đúc kết lại tất cả những Kinh, Luật và Luận trong Chánh pháp, kinh mới được ghi chép lại."

3. **Phật:** Tiếng Phạn là *"Bouddha"*, Trung Hoa dịch là *Phật Đà***.** Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn, dùng sự giác ngộ của mình để giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh cũng được giác ngộ như mình, là thầy của các cõi Trời, cõi Người. (*Giác là biết, ngộ là hiểu rõ. Giác ngộ hoàn toàn là hoàn toàn hiểu biết thật rõ ràng chính xác, hợp với*

chân lý về tất cả mọi sự việc, đời sống, vạn vật, vũ trụ....)

Phật có 3 thân là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân:

a. Pháp thân Phật vô hình, có mặt ở khắp mọi nơi, mọi lúc.
b. Báo thân Phật là thân qủa báo tốt lành, do công đức tu hành của Phật kết lại mà hiện ra.
c. Ứng thân Phật (*hay Hóa thân Phật*) là thân do Phật ứng, hóa hiện ra để cứu các loài chúng sanh.

Chữ Phật ở đây chỉ đức Phật Thích Ca, hạ sanh năm 623 trước Tây lịch, con Vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia. Thủ đô của vương quốc của Vua Tịnh Phạn là thành Kapilavastu (*Ca Tỳ La Vệ*). Nơi này hiện nay thuộc nước Népal.

Theo sách Phật Học Tinh Yếu của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm thì: "Thái tử xuất gia năm 29 tuổi, thành đạo năm 35 tuổi. Phật truyền bá chánh pháp hơn 40 năm, dọc theo châu thổ sông Hằng (*Gange*), miền Đông Bắc Ấn Độ và nhập Niết Bàn năm 80 tuổi."

*Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật Thích Ca nói: " ...*Từ khi ta thành Phật tới nay, đã vô lượng vô biên ức[12] na do tha (*1 na do tha = 10 triệu*) a tăng kỳ[27] kiếp..."

Cũng trong kinh Pháp Hoa, nhưng ở phẩm Hóa Thành Dụ, đức Thế Tôn nói: *"...*Ta thị hiện ở cõi

này, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác[43], có tên là Thích Ca Mâu Ni, thị hiện ở nơi khác thành Phật, lại có tên khác...”

4. **Vườn của ông Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ Đà**.

Ấn Độ ngày nay là một nước rộng lớn. Nhưng khi đức Phật Thích Ca còn tại thế, lãnh thổ này gồm nhiều nước nhỏ, trong đó có nước Xá Vệ.

Thái tử Kỳ Đà là con của vua Ba Tư Nặc, người trị vì nước Xá Vệ.

Ông Tu Đạt Đa, giầu nhất vùng, hay giúp đỡ những kẻ cô đơn nghèo, khổ, nên dân chúng trong nước gọi ông là ông Cấp Cô Độc.

Ông Cấp Cô Độc muốn mua vườn của Thái tử Kỳ Đà để cúng dường đức Phật Thích Ca và chúng Tăng. Thái tử nói nếu ông lát vàng đầy vườn thì sẽ bán vườn ấy cho. Ông dùng vàng, dát mỏng, lát vườn của Thái tử. Chỗ vườn đã lát vàng được bán cho ông Cấp Cô Độc để cúng dường Phật và Tăng. Thái tử cũng đem chỗ vườn không thể lát vàng và tất cả cây trong vườn cúng dường Phật và Tăng. Vì thế chỗ Phật nói pháp đây được gọi bằng tên của cả hai thí chủ.

5. **Tỳ khưu:** *Trí Húc đại sư giảng*: “Tỳ khưu, phiên âm từ tiếng Phạn “*Bhiksu”*, là người xuất gia, hàm chứa 3 nghĩa:

a. ***Khất sĩ*:** Chỉ giữ một chiếc bát để xin thức

ăn, không cất giữ tiền của, chuyên cầu đạo xuất thế gian.

b. ***Phá ác*:** Dùng trí tuệ chân chánh để quan sát, phá trừ mọi tật ác, phiền não.

c. ***Bố ma*:** Đã phát tâm thọ giới, phép yết ma đã thành tựu, nên ma trông thấy phải sợ hãi."

6. **Tăng:** Viết tắt của Tăng già, tiếng Phạn là *"sangha"*, chỉ một nhóm tu sĩ, học theo Phật, cùng sống với nhau theo tinh thần lục hòa: Thân hòa chung ở, miệng hòa không tranh cãi, ý hòa cùng vui, giới luật hòa cùng giữ, hiểu biết hòa cùng giải, lợi hòa cùng chia.

7. **A La Hán**: A La Hán, phiên âm từ tiếng Phạn "*Arhan"*, là qủa vị cao nhất của hàng Thanh Văn[30], có 3 nghĩa:

a. ***Ứng cúng***: Xứng đáng nhận sự cúng dường.

b. ***Sát tặc***: Đã giết hết phiền não (*Hết tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến*).

c. ***Vô sanh***: Không tái sanh trong vòng luân hồi nữa.

Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Trí Húc đại sư chép: *"*Có 3 bậc A La Hán là: Tuệ giải thoát, Câu giải thoát và Vô Nghi giải thoát. Các vị A La Hán này đều là Vô Nghi giải thoát nên gọi là đại A La Hán. Các vị vốn là các bậc Pháp thân Đại sĩ (*Bồ Tát đã chứng được Pháp*

thân) thị hiện ra làm A La Hán nên gọi là đại A La Hán.

Các vị theo Phật đi thuyết pháp, làm lợi ích các cõi Trời, cõi Người nên mọi người quen biết."

8. **Trưởng lão**: Trưởng là lớn. Lão là già. Trưởng lão là bậc cao Tăng, đã tu hành lâu năm.

Trí Húc đại sư giảng: "Trưởng lão Xá Lợi Phất là bậc có trí huệ (*trí tuệ*) nhất trong hàng đại A La Hán nên được xếp đứng trước. Vì trưởng lão là bậc có trí huệ chân thực, dũng mãnh mới có thể hiểu được pháp môn Niệm Phật nên được Phật gọi ra để giảng về pháp môn này. Pháp môn Niệm Phật rất sâu, vượt hơn tất cả những pháp môn khác, rất khó tin, nếu không phải là người có trí huệ bậc nhất thì chẳng thể hiểu ngay được mà không nghi ngờ."

9. **Bồ Tát**: hay *Bồ Đề Tát Đỏa* (*Bodhisatta*), là danh hiệu của người tu pháp Lục độ (*Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Định và Huệ*) để tự giác ngộ và giúp người khác giác ngộ.

Theo sách Tịnh Nghiệp Tam Phước, mục Niệm Phật Thành Phật, của Hòa Thượng Tịnh Không thì: "Có 51 ngôi Bồ Tát: 10 ngôi Tín, 10 ngôi Trụ, 10 ngôi Hạnh, 10 ngôi Hồi Hướng, 10 ngôi Địa, và ngôi thứ 51 là Đẳng Giác.

Đại Bồ Tát hay Bồ Tát Ma Ha Tát (*Bodhisatta*

Mahasatta) là những Bồ Tát ở 11 ngôi cao, từ ngôi Sơ Địa tới ngôi Đẳng Giác."

A Dật Đa là tên riêng của Bồ Tát Di Lặc.

10. **Pháp vương tử**: Phật là Pháp vương, biết rõ các pháp và tâm chúng sanh, tùy theo căn cơ của chúng sanh mà giáo hóa[1], khiến ai cũng tin, nhận được sự giáo hóa của Phật, cũng được lợi ích.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nối nghiệp nhà Phật, giáo hóa chúng sanh, nên gọi là Pháp vương tử (*con của đấng Pháp vương*). Ngài là bậc có trí huệ đệ nhất trong hàng Bồ Tát nên được xếp đứng đầu.

11. **Thích Đề Hoàn Nhân**. *Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của Trí Húc đại sư chép:* "Thích Đề Hoàn Nhân là Vua ở cõi Trời Đao Lợi."

Trong sách Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Phổ Môn Phẩm, Hoà Thượng Tuyên Hóa giảng: *"*Đế Thích, kinh A Di Đà gọi là Thích Đề Hoàn Nhân, Đạo giáo gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế.*"*

12. **Ức:** *Tự điển Việt Pháp của Đào Đăng Vỹ chép*: "1 ức = 100 ngàn (*100 nghìn*)".

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của sa môn Trí Húc chép: "1 ức = 10 triệu."

Sách Niệm Phật Thập Yếu của Hoà Thượng Thích Thiền Tâm chép: "Số ức của Ấn Độ thời xưa có 3 bậc, mà mức trung bình là 1 triệu."

13. **Cõi nước của một vị Phật:** Cõi nước của một vị Phật hay *Phật độ* là khu vực hóa độ của một vị Phật. (*Hoá là viết tắt của giáo hóa. Độ là viết tắt của cứu độ. Độ nghĩa là đưa qua sông. Hóa độ chúng sanh nghĩa là*: *Giảng dạy để chuyển chúng sanh từ mê thành giác, cứu chúng sanh, đưa qua sông mê tới bờ giác ngộ.*)

Một Phật độ gồm có rất nhiều thế giới. Ví dụ: *Sách Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm, chương 4, tiết 23 chép*: "Đức Phật Thích Ca làm giáo chủ một cõi Đại Thiên[39] gọi là Sa Bà (*tiếng Phạn là Saha*) gồm 1000 triệu thế giới. Ngài hóa thân thành 1000 triệu đức Phật ở những thế giơi ấy, thị hiện từ lúc giáng sanh tới khi nhập Niết Bàn để thuyết pháp."

14. **Khổ.**

a. ***Ba nỗi khổ.*** *Trí Húc đại sư nói*: "Chúng ta sống trên trái đất này có khổ mà cũng có vui. Nhưng thật ra những cái vui ấy cũng lại là khổ, Phật gọi là hoại khổ, vì nó chẳng ở lâu với mình, khi nó bị hoại là mình khổ. Còn cái khổ thật thì Phật gọi là khổ khổ, vì nó là cái khổ làm thân mình bị bức bách khổ thật. Lại còn một cái chẳng vui, chẳng khổ, Phật gọi là hành khổ vì nó làm cho mình bị trôi đến chỗ khổ."

b. ***Tám nỗi khổ.*** *Trong kinh Chuyển Pháp*

Luân, khi nói về Khổ đế[30]*, đức Phật Thích Ca kể bảy thứ khổ ở cõi Người là*: Sanh, già, bệnh, chết, thương phải xa lìa, oán thù gặp gỡ và mong cầu không được.

Giáo lý Đại thừa kể thêm nỗi khổ thứ tám ở cõi Người là: Năm ấm lẫy lừng.

(*Ấm là ngăn che. Năm ấm là 5 thứ ngăn che chân tánh, gồm có*:

Sắc ấm: Thân thể của chúng ta.

Thọ ấm là những cảm giác hoặc khổ, hoặc sướng, hoặc vui, hoặc buồn....

Tưởng ấm: Khi chúng ta ngồi lại, nhất là ở những nơi vắng vẻ, liền nhớ lại hoặc nghĩ đến một danh từ, một sự việc hay một hình ảnh, liền khởi tưởng.

Hành ấm gồm có thân hành, ngữ hành và ý hành, là những tạo tác của thân, miệng và ý.

Thức ấm là cái biết phân biệt nơi 6 giác quan: *Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.*

Ví dụ: *Khi mắt thấy cảnh, người, vật ... liền phân biệt đẹp hay xấu; Khi tai nghe tiếng, liền phân biệt trong hay đục; khi lưỡi nếm vị, liền phân biệt ngon hay dở.v.v...*)

Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm che lấp chân tánh, như mây đen che mặt trời, khiến chân tánh không lộ ra được, khởi hoặc (*khởi mê lầm*) gây nghiệp mạnh như ngọn lửa bốc cháy nên gọi là năm ấm lẫy lừng.

(*Chân tánh của chúng ta là bản tánh thật của chúng ta, còn gọi là Phật tánh có sẵn nơi mỗi người chúng ta.*)

Ấn Quang đại sư nói: " Bảy thứ khổ đầu tiên là qủa báo của đời qúa khứ. Nỗi khổ thứ tám là nhân gây ra qủa khổ về sau. Nhân, qủa dây dưa nối nhau không dứt, hết kiếp này sang kiếp khác, chẳng thể thoát ly."

15. **Bảy báu:** Thất bảo là 7 thứ báu vật: Vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.

16. **Nước 8 công đức:**
    a. Nước trong sạch.
    b. Nước mát mẻ, không lạnh, không nóng.
    c. Nước thơm, ngon.
    d. Nước làm hết đói, khát.
    e. Nước làm các căn thanh tịnh.
    f. Nước làm thân, tâm an ổn, hòa dịu.
    g. Nước nhẹ, êm dịu, trơn, láng, không ướt.
    h. Nước yên ổn, điều hòa, không chảy xiết.

17. **Hoa sen to như bánh xe**. *Trí Húc đại sư giảng*: "Bánh xe ở đây là bánh xe của vua Chuyển Luân, to đến 40 dặm."

18. **Nhiệm mầu, thơm, sạch.**
    a. ***Nhiệm mầu***: Nếu có một chúng sanh phát

tâm niệm Phật thì trong hồ bảy báu liền có một hoa sen mọc ra. Nếu chúng sanh tinh tấn niệm Phật thì hoa sen tăng trưởng đều đều. Hoa sen này là nơi nhập thai của chúng sanh ấy, nếu được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn. Nếu chúng sanh bỏ không niệm Phật nữa thì hoa sen héo tàn dần.

Thời gian ở trong hoa sen của các chúng sanh sanh về thế giới Cực Lạc tùy thuộc vào công phu tu hành của các chúng sanh đó trước khi vãng sanh. (*Muốn biết rõ hơn, xin xem kinh Quán Vô Lượng Thọ*).

Chúng sanh ở trong hoa sen, chuyển từ nhiễm sang tịnh, từ phàm sang thánh.

Thân chúng sanh từ hoa sen sanh ra, đã có hào quang.

b. ***Thơm***: Hoa có hương thơm đặc biệt.

c. ***Sạch***: Hoa không có bụi bám vào.

19. **Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế**: Cõi nước Cực Lạc trang nghiêm như thế, tạo thành được là do công đức tu hành của đức Phật A Di Đà.

Muốn biết rõ về nguyên nhân tạo ra thế giới Cực Lạc, công đức không thể nghĩ bàn của tỳ kheo Pháp Tạng (*tiền thân của đức Phật A Di Đà*), xin xem kinh Vô Lượng Thọ, quyển Thượng.

20. **Sáu thời**: Xưa kia, ở Ấn Độ, một ngày chia làm 6 thời. Ban ngày có 3 thời, ban đêm có 3 thời.

Hoa mạn đà la: *Kinh Vô Lượng Thọ chép*: " Hoa mềm mại, sáng mướt, hương thơm ngào ngạt, rơi có thứ lớp tùy theo mầu sắc. Bước đi trên hoa, hoa lún xuống 4 tấc. Đi qua rồi, hoa nổi lên như cũ. Khi hoa ngừng rơi, đất nứt ra, hoa mất. Mặt đất trở lại bình thường."

21. **Cúng dường chư Phật**.

Chỉ trong một niệm, Bồ Tát có thể đến bất cứ nơi nào mà không cần động thân, không cần dùng bất cứ phương tiện di chuyển nào như xe, tầu, phi cơ.... *Theo kinh Pháp Hoa, phẩm 24, Diệu Âm Bồ Tát*: "Bồ Tát Diệu Âm ở thế giới Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm của đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, chẳng rời chỗ ngồi, thân chẳng lay động mà vào chánh định, đến thế giới Sa Bà nơi hội Linh Sơn để nghe kinh Pháp Hoa và cúng dường đức Phật Thích Ca..."

Bồ Tát có thể có mặt ở rất nhiều nơi, làm rất nhiều việc cùng một lúc. *Kinh Địa Tạng, quyển Thượng, phẩm 2, Phân Thân Tập Hội chép*: "Đức Địa Tạng Bồ Tát nói: Con hiện thân hình ra ở cùng khắp trăm nghìn muôn ức[12] hằng hà sa số[38] thế giới. Trong mỗi thế giới hóa hiện ra trăm nghìn muôn ức thân. Mỗi thân đó hóa độ[13] trăm nghìn muôn ức người....."

22. **Ăn.** Chúng sanh ở các cõi tịnh không ăn giống như chúng ta ở cõi uế (*dơ bẩn*) ăn.

Kinh Vô Lượng Thọ chép: "Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc khi muốn ăn thì bát đĩa bằng 7 báu hiện ra, có đầy đủ nhiều thức ăn, uống theo ý muốn. Tuy thức ăn hiện ra, nhưng chẳng có ai ăn. Thấy sắc, ngửi mùi, thân tâm dịu dàng, tự nhiên no đủ. Bát đĩa, thức ăn biến mất, đến giờ lại hiện."

Hòa Thượng Tịnh Không giảng: "Những chúng sanh vừa sanh sang thế giới Cực Lạc mới có thói quen muốn ăn như khi còn ở các cõi uế."

Kinh Pháp Hoa, phẩm 8, Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký chép: "Chúng sanh ở thế giới Thiện Tịnh của Pháp Minh Như Lai chỉ dùng hai thức ăn là thiền duyệt thực và pháp hỷ thực."

Kinh A Hàm giảng: "Do thiền định nuôi dưỡng tinh thần, thân tâm an lạc là nghĩa của ăn. Nghe pháp để tu, tu xong chứng được qủa là nghĩa của ăn."

23. **Kinh hành.** *Hoà Thượng Thích Trí Tịnh giảng*: "Đi kinh hành là đi vòng quanh, chậm rãi, vừa đi vừa tưởng niệm những pháp lành."

Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc ăn xong, đi kinh hành, nghe tiếng chim hót hòa nhã, diễn nói diệu pháp và nghe tiếng gió lay động cây báu, lưới

báu, phát ra những âm thanh nhiệm mầu như trăm ngàn thứ nhạc cùng trỗi lên, liền sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

24. **Năm căn**, **Năm lực, Bảy phần Bồ Đề, Tám phần Chánh đạo**. Đây là 25 phẩm trong 37 phẩm trợ đạo[30], là pháp để diệt trừ tất cả những phiền não: Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến....

Bởi phiền não là nguyên nhân gây khổ, là mầm si mê, biến hoại, nên khi diệt sạch chúng thì hết khổ, trí huệ phát sanh, dứt hẳn sanh, tử.

(*Muốn biết rõ hơn về 37 phẩm trợ đạo, xin đọc sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Trí Húc đại sư*.)

25. **Niệm:** Niệm là nghĩ đến, nhớ đến.

Phật, Pháp, Tăng. *Hòa Thượng Tịnh Không nói*: *"*Ba chữ này chỉ tự tánh Tam Bảo:

a. Phật Bảo là giác, tức là tánh giác sẵn có của chúng sanh.
b. Pháp Bảo là chánh, tức là chánh tri (*biết chân chánh*), chánh kiến (*thấy chân chánh*).
c. Tăng Bảo là tịnh: Sáu căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân,ý*) thanh tịnh.

Giác mà không mê là niệm Phật. Chánh mà không tà là niệm Pháp. Tịnh mà không nhiễm là niệm Tăng."

26. **Những giống chim ấy không phải thật do tội báo mà sanh ra:** Những chúng sanh ấy không phải do các kiếp trước tạo nhiều tội ác, nên nay phải mang thân chim.

Ba đường ác là: Súc sanh (*súc sinh*), Ngã quỷ và Địa ngục.

27. **A tăng kỳ** là phiên âm của tiếng Phạn "*Asamkhya",* dịch ra tiếng Hán là *vô lượng vô biên*, có nghĩa là nhiều lắm, không thể tính, đếm hết được.

28. **A Di Đà:** A Di Đà là phiên âm từ tiếng Phạn "*Amitabha"*, dịch ra tiếng Hán là *vô lượng*, có rất nhiều nghĩa. Ở trong kinh A Di Đà, đức Phật Thích Ca chỉ nói 02 nghĩa quan trọng nhất là *vô lượng quang* và *vô lượng thọ* mà thôi.

Tùy nguyện, tùy cơ của mỗi vị Phật mà khi thị hiện, quang minh và thọ mệnh của mỗi vị, mỗi khác. Thị hiện ở thế giới Cực Lạc:

a. Đức Phật A Di Đà đặc biệt có danh hiệu là *Phật Vô Lượng Quang* vì: Vô lượng quang minh của đức Phật ấy soi các thế giới ở khắp 10 phương không gì chướng ngại.

Đức Phật A Di Đà phóng quang soi khắp 10 phương vô lượng thế giới, không gì chướng ngại là để nhiếp lấy (*thâu phục, dẫn dắt*), không bỏ những chúng sanh niệm Phật và

giúp những chúng sanh ấy cấu (*tham, sân, si*) diệt, thiện sanh, thân, ý nhu nhuyễn:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: "Phật A Di Đà phóng quang soi khắp 10 phương vô lượng thế giới, nhiếp lấy, không bỏ những ai niệm Phật."

Kinh Vô Lượng Thọ chép: "Chúng sanh nào chạm quanh minh ấy thì cấu diệt, thiện sanh, thân, ý nhu nhuyễn."

b. Đức Phật A Di Đà có biệt danh là *Phật Vô Lượng Thọ* vì: Thọ mạng của đức Phật ấy lâu dài đến số vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp.

Thọ mạng của đức Phật A Di Đà lâu dài đến số vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp là để Phật có thể tiếp dẫn tất cả những chúng sanh tín, nguyện, niệm Phật cầu vãng sanh:

Kinh Vô Lượng Thọ chép nguyện thứ 18 của tỳ kheo Pháp Tạng, tiền thân của đức Phật A Di Đà: "Khi tôi thành Phật, chúng sanh ở 10 phương hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, niệm danh hiệu tôi cho đến 10 niệm, nếu không được sanh tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác[43], chỉ trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, chê bai Chánh pháp."

29**. Kiếp** viết tắt của *kiếp-ba*, là phiên âm từ tiếng Phạn "*kappa".*

1 Tiểu kiếp dài 16800000 năm.

1 Trung kiếp có 20 Tiểu kiếp.

1 Đại kiếp có 4 Trung kiếp.

Theo sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Trí Húc đại sư thì chữ kiếp trong kinh A Di Đà chỉ 1 tiểu kiếp, dài 16800000 năm.

30**. Thanh Văn**. (*Savaka*) Thanh Văn là những người tu pháp Tứ Diệu Đế để tự cứu mình thoát khổ[14]. Bốn diệu đế (*4 chân lý nhiệm mầu*) này là:

a. ***Khổ Đế***: Tất cả những nỗi khổ của con người.

b. ***Tập đế***: Tập hợp tất cả những nguyên nhân gây khổ (*Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến*...), lầm cho là mình.

c. ***Diệt Đế***: Diệt hết những nguyên nhân gây khổ thì hết khổ.

d. ***Đạo Đế*** là những phương pháp để diệt những nguyên nhân gây khổ, gồm có 37 phẩm Trợ đạo[24].

Các quả vị của Thanh Văn là: Sơ qủa Tu Đà Hoàn, Nhị qủa Tư Đà Hàm, Tam qủa A Na Hàm, và Tứ qủa A La Hán. Phải dứt được kiến hoặc và tư hoặc mới đắc A La Hán[7], mới thoát hẳn khổ sanh, tử luân hồi. (*Hoặc là mê lầm*. *Kiến hoặc là bị những thành kiến, tà kiến làm cho mê lầm. Tư hoặc là bị những phiền não tham, sân, si, mạn, nghi...làm cho mê lầm*).

Trí Húc đại sư giảng: “Thực ra, các bậc Thanh

Văn tu hạnh Tiểu thừa (*tu chỉ để tự cứu mình thoát khổ*) ở những thế giới khác không thể sanh sang thế giới Cực Lạc. Chỉ có những vị nào lúc lâm chung biết hồi hướng về tâm Bồ Đề[34], tín, nguyện, niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, cầu Phật tiếp dẫn, thì mới được vãng sanh. Khi những vị này đã sanh sang thế giới Cực Lạc rồi, nghe nói pháp, đoạn trừ được kiến hoặc và tư hoặc, thì gọi là A La Hán, giống như các vị Bồ Tát ở ngôi thứ bảy[9] về Biệt giáo[40], chứ chẳng phải thật là Thanh Văn."

31**. Chứng ngôi Bất Thoái.** Chứng: Viết tắt của *chứng đắc*, nghĩa là đạt được. Bất thoái: Tiếng Phạn là "*Avaivarti",* phiên âm là *A bệ bạt trí*, có nghĩa là chẳng lui xụt xuống nữa.

Các Bồ Tát cũng như vậy. Các Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc cũng nhiều vô lượng vô biên và toàn là những bậc Bất Thoái Chuyển.

32**. Nhất Sanh Bổ Xứ**: Chỉ một lần sanh ra ở đấy là được bổ lên ngôi Phật. (*Ngang hàng với Bồ Tát Di Lặc*)

33**. Cùng với những thượng thiện nhân sum họp một chỗ**. *Ngẫu Ích đại sư giảng*: "Ở trong đời này, người được thấy, được nghe các vị Thánh giảng pháp rất ít; được thân cận với các ngài lại

càng ít hơn. Ngày nay chúng ta nhờ tu Tịnh nghiệp (*nghiệp niệm Phật*) là nghiệp không có phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến; là nghiệp có nhiều thiện căn làm nhân, có nhiều phước đức (*phúc đức*) làm duyên, mà cảm ứng cùng được hội họp với các ngài ở thế giới Cực Lạc, làm bạn với nhau. Thế là từ phàm phu (*người thường*) hạ liệt (*thấp kém*) lên thẳng ngôi Bồ Tát Bất Thoái."

34**. Muốn có nhiều phước đức, thiện căn thì phải niệm Phật**. *Trí Húc đại sư giảng*: *"* Tâm Bồ Đề của mỗi người là thiện căn của người đó (*Bồ Đề là phiên âm từ tiếng Phạn Bodhi có nghĩa là giác ngộ. Tâm Bồ Đề là tâm cầu quả giác ngộ hoàn toàn của Phật để độ thoát mình và tất cả chúng sanh*. *Căn là nguồn gốc. Thiện căn là nguồn gốc thiện*). Tu các pháp thiện như Bố thí, Trì giới, Thiền định, Niệm Phật.....đều tạo ra phước đức, tức là những duyên giúp thiện căn ấy nẩy nở.

Người niệm Phật mà tâm còn tán loạn, phước đức và thiện căn cũng đã nhiều vô lượng, huống chi là người niệm Phật nhất tâm bất loạn. Tín, nguyện, trì niệm danh hiệu Phật thì mỗi một tiếng niệm Phật, tiếng nào cũng rất nhiều phước đức, đầy đủ thiện căn".

a. ***Niệm Phật có nhiều phước đức.***

- *Kinh Đại Phẩm Bát Nhã chép*: "Nếu có

thiện nam, thiện nữ nào tán tâm niệm Phật thì được phước vô cùng. Nhờ phước đức ấy, xa lìa các sự khổ não."

Tán tâm niệm Phật còn như thế, huống chi định tâm niệm Phật thì phước đức vô lượng vô biên.

- *Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức chép*: "Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, một lòng tin, kính, hâm mộ, trì tụng, xưng niệm, người này sẽ được vô lượng vô biên phước đức, thoát hẳn 3 cõi ác. Sau khi mạng chung sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc của đức Phật ấy."

b. ***Niệm Phật có nhiều thiện căn***:

- *Kinh Đại Bi Thuyết Minh chép*: "Nếu chúng sanh nào một phen thành tín xưng danh hiệu A Di Đà Phật, do thiện căn ấy chắc chắn sẽ được vào cảnh giới Niết Bàn."
- *Kinh Hiền Ngu, phẩm Xuất Gia chép*: "Khi đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một ông già đến tịnh xá của Phật để cầu xin xuất gia. Phật đi vắng, ông gặp các Tôn Giả và các đại A La Hán, xin được xuất gia. Các vị này đều không thâu nhận ông, vì quan sát thấy ông lão trải qua nhiều kiếp không gieo trồng thiện căn. Ông lão buồn khóc.

Khi đức Phật về tới, trông thấy tình cảnh của ông, Phật hỏi lý do. Ông thành kính trình bầy những việc đã qua. Phật liền độ cho ông xuất gia.

Đức Phật dạy rằng: Qúy Tôn Gỉa dù là bậc A La Hán, nhưng không thể biết rõ thiện căn của ông lão này. Trải qua vô lượng vô biên kiếp về trước, ông là một tiều phu, một hôm vào rừng đốn củi, bị mãnh hổ bức bách, sợ quá, leo lên một cây cổ thụ, thành kính xưng niệm: "*Nam mô Phật*".

Do thiện căn này được giữ trong tạng thức, trải qua vô lượng vô biên kiếp, chủng tử (*hột giống*) Niệm Phật ấy vẫn còn nguyên. Vì vậy, bây giờ gặp ta, được ta độ cho xuất gia." (*Tạng thức là nơi chứa các nghiệp thiện, ác của chúng sanh. Khi chết, tạng thức mang nghiệp sang kiếp khác, tùy nghiệp mà vào cảnh giới mới*.)

35**. Thiện nam, thiện nữ.**

Trí Húc đại sư giảng: "Đức Phật Thích Ca nói: Nếu có người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe nói *Phật A Di Đà,* chấp trì[41] danh hiệu của đức Phật ấy... (*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì...*).

Vậy hạng người nào mới được gọi là thiện nam, thiện nữ? Bất luận là hạng người nào, tại gia,

xuất gia, người già, người trẻ.... miễn là được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà tức là thiện căn của người đó trồng từ nhiều kiếp trước nay đã chín, thì những người ấy dù có phạm tội Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng vẫn được gọi là thiện. (*Tội Ngũ Nghịch là*: *Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm Phật chảy máu hay phá hủy tượng Phật, chia rẽ chư Tăng. Tội Thập Ác là*: *Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai chiều, nói lời hung dữ, và tham, sân, si.*). Nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà rồi tin; tin rồi mới phát nguyện sanh sang thế giới Cực Lạc. Tin sâu, nguyện thiết thì mới chịu trì danh hiệu Phật[41]. Những người chẳng tin, chẳng nguyện thì dù có được nghe danh hiệu Phật, cũng như người không được nghe (*không được gọi là người thiện*). Mặc dù sự nghe ấy là cái mầm thiện căn về nhiều kiếp sau này, nhưng bây giờ thì chẳng được gọi là *Văn huệ* (*trí tuệ nghe*)".

Như vậy theo Tổ Trí Húc thì: ***Thiện nam, thiện nữ ở đây chỉ những người được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, hết lòng tin có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà, tha thiết nguyện sanh sang thế giới ấy, không phải là những người hành Thập Thiện*** (*hành Thập Thiện là thực hành 10 điều thiện, trái ngược với phạm tội Thập Ác là phạm 10 tội ác đã kể ở trên*)***.***

Thật vậy: ***Tông chỉ của pháp Niệm Phật là Tín,***

Nguyện, Hạnh; nhưng quan trọng nhất là Tín và Nguyện.

a. Nếu Tín, Nguyện yếu, dù không làm điều ác, chỉ làm điều thiện, nghe nói A Di Đà Phật và chấp trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà một lòng không loạn thì cũng không thể sanh sang thế giới Cực Lạc.

Xem phần 1 của Bài đọc thêm.

b. Chỉ cần hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì được vãng sanh (*vãng sanh: Viết tắt của vãng sanh Cực Lạc quốc, có nghĩa là sanh qua nước Cực Lạc*).

Kinh Vô Lượng Thọ chép nguyện thứ 18 của đức Phật A Di Đà: "Khi tôi thành Phật, chúng sanh ở 10 phương hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về cõi nước của tôi, niệm danh hiệu tôi cho đến 10 niệm, nếu không được sanh tôi không giữ ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác[43], chỉ trừ những kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, chê bai chánh pháp".

c. Dù bản thân có nhiều tội chướng; nhưng hết lòng tin có đức Phật A Di Đà, có thế giới Cực Lạc, tha thiết nguyện sanh về thế giới ấy, niệm Phật cầu vãng sanh, thì khi lâm chung vẫn được Phật tiếp dẫn:

Pháp Nhiên Thượng Nhân, khai Tổ của Tịnh Độ tông Nhật Bản nói: "Chẳng cần để ý là tâm

mình thiện hay ác, tội chướng nặng hay nhẹ, mà chỉ nên niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, và phát khởi cái tâm quyết định nương Phật thệ nguyện, chắc chắn vãng sanh. Cho rằng bản thân bị tội chướng, khó được vãng sanh, là điều sai lầm rất lớn."

Từ Chiếu đại sư giảng: "Môn Niệm Phật là pháp Đới Nghiệp Vãng Sanh. Người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham, sân, si, không được sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu hết lòng tin, nguyện, niệm Phật thì dù còn tội chướng, nghiệp nặng, cũng vẫn được vãng sanh vì nhờ nguyện lực của Phật tiếp độ (*tiếp dẫn, cứu độ*), ví như tảng đá to mà được thuyền chở, tất không bị chìm."

Kinh Na Tiên chép: "Ví như hạt cát nhẹ bỏ xuống nước, liền chìm. Trái lại, tảng đá to nếu được thuyền chuyên chở thì có thể đem từ nơi này tới nơi khác."

Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: "Chúng sanh gây nghiệp bất thiện: Năm tội đại nghịch (*tội Ngũ Nghịch*), mười điều ác độc (*tội Thập Ác*), tóm lại đủ cả các điều chẳng lành. Kẻ ngu như thế, do tạo nghiệp xấu, đáng đọa đường ác[26], trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Nhưng kẻ ngu này lúc sắp lâm chung, may mắn gặp được bậc thiện tri thức (*người hiểu biết chánh pháp, chỉ, dạy người khác tu*) an ủi đủ điều, nói

những pháp mầu, dạy xưng danh hiệu Phật A Di Đà. Người nọ hết lòng niệm chẳng dứt tiếng, được đủ 10 niệm. Nhờ xưng danh Phật, mỗi niệm trừ được tội sanh tử 80 ức kiếp. Khi vừa tắt hơi, thấy hoa sen vàng như vầng mặt trời ở trước người ấy. Trong khoảng phút chốc liền được sanh về thế giới Cực Lạc."

Chú ý: Niệm Phật diệt được rất nhiều tội. Dù chưa thể diệt hết được tất cả những tội đã tạo ra trong kiếp này và những tội đã tạo ra trong vô lượng kiếp trước thì người niệm Phật vẫn có thể đới nghiệp vãng sanh.

Sách Quê Hương Cực Lạc của Hòa Thượng Tuyên Hóa chép: "Đới nghiệp vãng sanh là mang những nghiệp cũ đi vãng sanh, chứ không phải là mang những nghiệp mới tạo ra đi vãng sanh*."*

Ấn Quang đại sư, Tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông Trung Hoa nói: "Người niệm Phật phải sửa trừ tâm tánh xấu xa. Sám hối rất thích hợp với pháp môn Niệm Phật..."

Sám hối là động từ kép, ghép từ tiếng Phạn *"samma"* nghĩa là hổ thẹn, ăn năn vì những tội lỗi đã làm và tiếng Trung Hoa "*hối quá"* nghĩa là sửa đổi (*hối cải*) lỗi lầm.

Cách sám hối: Tự bầy tỏ những tội lỗi mình đã làm trước hình tượng Phật, Bồ Tát hay trước các bậc đức hạnh. Ăn năn, từ nay xin

sửa đổi không dám tái phạm.

Chương 5 của kinh Tứ Thập Nhị Chương chép: "Người có lỗi tự hiểu biết sai, đổi ác làm thiện, tội tự tiêu diệt."

Tóm lại: ***Nếu hết lòng tin, ưa, mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm Phật cầu vãng sanh, thì khi lâm chung nhất định được Phật tiếp dẫn về thế giới ấy.***

Đã niệm Phật cầu vãng sanh, mà còn trót lỡ phạm tội thì phải thành tâm sám hối.

Thật ra, người niệm Phật mà còn tạo tội là vì chưa hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu không tham luyến thế gian, sợ những thứ khổ ở cõi người, sợ chết bị đọa vào ác đạo, lúc nào cũng tha thiết niệm Phật cầu vãng sanh như người bị giặc rượt bắt, như người bị nước cuốn trôi một lòng cầu cứu, thì chẳng những không thể tạo tội mà còn không khởi vọng tưởng trong lúc niệm Phật nữa.

36. **Nếu có người thiện nam hay người thiện nữ nào nghe nói "*Phật A Di Đà*", chấp trì danh hiệu của đức Phật ấy hoặc trong một ngày, hoặc trong hai ngày, hoặc trong ba ngày, ... hoặc trong bảy ngày, một lòng không loạn thì: Khi lâm chung, người ấy sẽ được Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện trước người ấy, khiến cho khi mất tâm không điên**

đảo, liền được sanh sang nước Cực Lạc của Phật A Di Đà. Vì:

a. Thiện nam, thiện nữ chỉ những người được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, tin có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà, tha thiết nguyện sanh về thế giới ấy khi mạng chung[35].

b. Chỉ người nào được sanh về Thượng phẩm ở thế giới Cực Lạc thì: Lúc lâm chung, đức Phật A Di Đà và Thánh chúng mới hiện ra trước người ấy (*Kinh Vô Lương Thọ*).

Nên câu kinh trên có nghĩa là: ***Người nào được nghe danh hiệu của đức Phật A Di Đà, hết lòng tin, nguyện sanh về thế giới của đức Phật A Di Đà mà chấp trì[41]danh hiệu của đức Phật ấy hoặc trong một ngày, hoặc trong hai ngày, hoặc trong ba ngày, hoặc trong bốn ngày, ... hoặc trong bảy ngày, một lòng không loạn thì: Khi lâm chung, người ấy sẽ được đức Phật A Di Đà và các Thánh chúng hiện trước người ấy, khiến cho khi mất tâm không điên đảo, liền được sanh về thế giới Cực Lạc, ở phẩm Thượng.***

Xem phần 1 của Bài đọc thêm.

***<u>Chú ý</u>*:**

a. Tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà[41] một lòng không loạn, thì được sanh về thế giới Cực Lạc, ở Thượng

phẩm, chứ chẳng phải: Không làm điều ác, chỉ làm điều thiện và chấp trì danh hiệu Phật một lòng không loạn thì mới được vãng sanh.

b. Phật hiện ra khiến tâm không điên đảo, chẳng phải tâm không điên đảo thì Phật mới hiện ra.

37. Lợi ấy là: Khi lâm chung tâm không điên đảo, được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc, thoát sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái.

Trong khi tu các pháp môn khác, muốn lúc lâm chung tâm không điên đảo, thoát vòng sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái thì rất khó.

Trí Húc đại sư giảng: "Ở Sa Bà, tự lực tu hành rất khó thoát khỏi cửa ải sanh tử. Những kẻ tu hành ngoan cố, có chút trí huệ, ngông cuồng, chắc chắn không thể thoát sanh tử luân hồi. Ngay như những người tu pháp Thiền tông, đốn ngộ sâu xa (*Đốn là nhanh, là tắt không qua trung gian. Ngộ, viết tắt của ngộ đạo, có nghĩa là hiểu thật rõ đường lối, phương pháp tu hành, hiểu rất rõ giáo lý để thực hành, tu tập*), giữ gìn cẩn thận, nhưng đến lúc lâm chung, chỉ một tí tập khí (*thói quen lâu đời*) tham lam, giận dữ, ngu si, ngạo mạn bằng sợi tơ còn sót lại, chưa trừ hết được, cũng dư sức lôi mình đi đầu thai. Người tu được đạo quả thứ nhất của Tiểu thừa rồi[30], đầu thai; lúc sanh ra, cũng thành mê muội. Vị Bồ Tát từ thân

năm ấm này sang thân năm ấm khác[14] cũng bị hôn mê (*Vị là chưa*. *Vị Bồ Tát là Bồ Tát chưa đắc đạo*. *Sách Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm, chương 2, tiết 11 chép*: *Trải qua sự xen cách từ thân trước tới thân sau, bậc Bồ Tát chưa đắc đạo, phải bị hôn mê*). Chỉ có người tín, nguyện, niệm Phật thì lúc lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn, mới tự tại vãng sanh, thoát sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái."

Chúng ta đang sống trong thời mạt pháp*. Kinh Đại Tập chép*: "Đời mạt pháp ức[12] ức người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo. Đa phần là từ giác chợt mê, thoạt tiến liền lùi, trải qua bao kiếp nhiều như bụi trần chẳng thể xuất ly! Chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử."

38**. Hằng hà sa số**: Hằng hà là sông Hằng (*Gange*), một con sông lớn, phát xuất từ Hy Mã Lạp sơn, chảy qua miền Bắc của Ấn Độ, rồi đổ ra vịnh Bengale, dài 3090 km. Sa là cát.

Hằng hà sa số, có nghĩa là nhiều lắm, nhiều như số cát ở sông Hằng.

39. **Tam thiên đại thiên thế giới***. Tổ Trí Húc giảng*: "1 tiểu thiên thế giới có 1000 thế giới.

1 trung thiên thế giới có 1000 tiểu thiên thế giới.

1 đại thiên thế giới có 1000 trung thiên thế giới hay 1000 x 1000 x 1000 = 1 tỉ thế giới.

Vì vậy 1 đại thiên thế giới còn gọi là *1 tam thiên đại thiên thế giới*. Chữ tam thiên ở đây có nghĩa là 1000 x 1000 x 1000 chứ không phải là 3000."

Tướng lưỡi rộng dài :

a. ***Hiện tướng lưỡi rộng dài chứng tỏ lời nói không hư dối.*** *Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của Trí Húc đại sư chép*: "Người thường giữ được giới Bất Vọng Ngữ (*không nói dối*) trong 3 đời, khi sanh ra có lưỡi rộng dài, lè ra uốn lên đến mũi."

Kinh Pháp Hoa, phẩm 21, Như Lai Thần Lực chép: "Thế Tôn hiển sức thần thông lớn, bầy tướng lưỡi rộng dài lên đến trời Phạm Thiên...".

Hoà Thượng Thích Thanh Từ giảng: "Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tới trời Phạm Thiên, chứng tỏ Phật tu hạnh Bồ Tát vô số kiếp cho tới khi thành Phật, chưa từng nói dối. Lời Phật nói là lời chân thật, trải qua 3 đời quá khứ, hiện tại, vị lai, không thay đổi."

Kinh Kim Cang, đoạn Lìa Tướng Tịch Diệt chép: "Như Lai nói lời chân thật, lời đúng như thế, không nói lời lừa gạt, không nói lời khác biệt."

b. ***Dùng tướng lưỡi rông dài nói pháp thì pháp âm vang xa.*** *Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 22, Thập Vô Tận Tạng chép*: "Đại Bồ Tát Biện Tạng khi thuyết pháp, dùng lưỡi rộng dài phát

ra tiếng vi diệu vang đến khắp tất cả thế giới trong 10 phương."

Trong sách Phật Thuyết Kinh A Di Đà, Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giải: "Phật xuất ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới nói pháp, có nghĩa là: Phật xuất ra tướng lưỡi rộng dài nói pháp, Phật pháp lưu thông khắp cả tam thiên đại thiên thế giới."

40. **Chúng sanh các ngươi phải nên tin kinh "Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm" này.** Câu này dịch từ câu kinh tiếng Hán: *Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị: Xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh.*

Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Trí Húc đại sư chép: "Chư Phật ở 6 phương đều gọi tên kinh này là kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức (*kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn*) Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm (*Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm*). Nhưng Pháp sư Cưu Ma La Thập thuận theo người Trung Hoa ưa nói vắn tắt nên dịch tên kinh này là kinh A Di Đà".

Hộ niệm. Hộ: Viết tắt của hộ trì nghĩa là giúp đỡ. Niệm: Viết tắt của quyến niệm nghĩa là thương nhớ.

Kinh Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm. Kinh

này có tên là kinh Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm vì: Nếu có thiện nam hay thiện nữ nào nghe rồi thọ trì kinh A Di Đà (*nghe rồi ghi nhớ không lúc nào quên, y theo đó tu hành*) thì người ấy được tất cả chư Phật hộ niệm (*thương nhớ, giúp cho*), không bị thoái chuyển trong đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác[43].

Kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn. Kinh này có tên là kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn vì:

a. *Kinh khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của những chúng sanh tin, nguyện, niệm Phật, cầu vãng sanh*: *Nói những lợi ích không thể nghĩ bàn của công đức ấy*: Được chư Phật ở khắp mọi phương hộ niệm, thoát sanh tử luân hồi, có thọ mạng lâu dài tới vô lượng vô biên kiếp như Phật, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, sum họp với những thượng thiện nhân, lên ngôi Bất Thoái.v.v...

Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải của Trí Húc đại sư chép: "Bốn chữ *không thể nghĩ bàn* có 5 ý nghĩa:

- Người niệm Phật có thể thoát sanh tử luân hồi ngay, chẳng cần phải đoạn trừ hết kiến hoặc, tư hoặc[30] như tu các pháp môn khác.
- Sanh sang Tây phương rồi thì tiến thẳng lên ngôi Bất Thoái, Nhất Sanh Bổ Xứ.

- Chỉ chuyên trì niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà, chẳng cần đến bất cứ phương tiện nào khác.
- Trong 7 ngày có thể thành công, chẳng cần phải tu nhiều đời, nhiều kiếp.
- Chỉ cần trì niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thôi, thì được tất cả chư Phật hộ niệm, cũng giống như trì niệm danh hiệu của tất cả chư Phật.

Lại còn một ý nghĩa nữa là: Người tín, nguyện, trì niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà sẽ thu nhiếp được công đức của Phật, làm thành công đức của mình."

b. <u>*Kinh khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của chư Phật*</u>:
   - *Đức Phật Thích Ca khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn* của đức Phật A Di Đà *và công đức không thể nghĩ bàn* của chư Phật ở khắp mọi phương.
   - *Chư Phật khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn* của đức Phật Thích Ca.

<u>Chú ý</u>. Nếu không tín, nguyện, niệm Phật thì:

a. <u>*Rất khó được tất cả chư Phật hộ niệm.*</u>

Kim Cương Tam Luận chép: "Bồ Tát có căn đã chín rồi, tức là ở ngôi Địa[9] về Biệt giáo mới được chư Phật hộ niệm (*Biệt giáo là giáo pháp đặc biệt dành riêng cho hàng Bồ Tát*)".

Khởi Tín Luận chép: "Tu hành Tín tâm, trải

qua 10000 kiếp. Tín tâm thành tựu rồi, sau đó mới tiến vào qủa vị Sơ Trụ".

Mất 10000 kiếp để tu 10 ngôi Tín! Còn phải tu xong 10 ngôi Trụ, 10 ngôi Hạnh, 10 ngôi Hồi Hướng nữa, mới vào được ngôi Địa Bồ Tát[9] để được chư Phật hộ niệm!

b. *Rất khó thoát sanh tử luân hồi.* Muốn thoát khỏi sanh tử luân hồi thì phải dứt được kiến hoặc và tư hoặc[30].

Kinh Niết Bàn chép: "Bậc Tu Đà Hoàn[30] đoạn trừ kiến hoặc như ngăn chặn giòng sông 40 dặm."

Đoạn trừ kiến hoặc khó như vậy. Đoạn trừ tư hoặc còn khó gấp bội phần. *Ấn Quang đại sư nói*: "Thanh Văn đã chứng được Sơ, Nhị, Tam quả[30], còn chưa làm nổi".

Thế mà chúng sanh chỉ cần tin, làm theo những lời Phật dạy trong kinh A Di Đà thì liền được tất cả chư Phật hộ niệm và khi lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc, thoát khổ sanh tử luân hồi, lên ngôi Bất Thoái....

Pháp môn Niệm Phật nhiệm mầu như vậy, nên tất cả chư Phật ở khắp mọi phương đều xuất ra tướng lưỡi rộng dài, khuyên chúng sanh nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Không Thể Nghĩ Bàn, Tất Cả Chư Phật Đều Hộ Niệm này.

41**. Chấp trì. Thọ trì.** Chấp là nắm giữ khư khư,

nắm giữ chặt. Thọ là nhận, lãnh. Trì là gìn giữ.

Chấp trì danh hiệu Phật là ghi nhớ không lúc nào quên danh hiệu Phật, niệm danh hiệu ấy không xen tạp, không gián đoạn.

Nghe và thọ trì kinh A Di Đà là nghe kinh rồi ghi nhớ, không lúc nào quên, y theo đó tu hành.

42. **Nghe được danh hiệu chư Phật**.

Sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Trí Húc đại sư chép: "Kinh Chiêm Xát nói: Kẻ nào mang tâm tạp loạn, nhơ bẩn thì dù có niệm danh hiệu Ta vẫn chẳng phải là nghe được danh hiệu Ta, vì tâm người ấy chưa quyết định tin và hiểu thì chỉ được qủa báo phước thiện ở thế gian thôi, chẳng được lợi ích mầu nhiệm sâu xa rộng lớn".

Cho nên: Nghe danh hiệu Phật, tin và hiểu rằng thực hành những điều Phật dạy sẽ được lợi ích mầu nhiệm, sâu xa rộng lớn, rồi y theo giáo pháp của Phật mà tu hành, thì mới gọi là người nghe được danh hiệu Phật (người có *văn huệ*[35]).

43. **Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác**. Dịch từ tiếng Phạn "*Anuttara Samyak Sambodhi"*, phiên âm là: *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

Tổ *Trí Húc nói*: "Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là sự giác ngộ cao nhất, bình đẳng, chân chánh hoàn toàn."

Giác ngộ cao nhất, chân chánh hoàn toàn là sự

hiểu biết cao nhất, hợp với chân lý, thật rõ ràng, chính xác tất cả mọi sự việc: Đời sống, vạn vật, vũ trụ.v.v...

Giác ngộ bình đẳng hoàn toàn là hoàn toàn hiểu biết tất cả mọi vấn đề thật rõ ràng, chính xác như nhau, không có vấn đề nào hiểu biết ít hơn.

Vì đã được đạo Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác, Phật hiểu biết thật rõ ràng, chính xác tất cả các pháp và căn cơ của từng chúng sanh, nên Phật giáo hóa chúng sanh, không gặp chướng ngại: Tùy theo sự hiểu biết của từng chúng sanh mà Phật giáo hóa, hoặc nói cao, hoặc nói thấp, khiến ai cũng tin, nhận được sự giáo hóa, cũng được lợi ích.

44. **Phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.** Vì phải hết lòng tin những điều Phật nói, không có một chút nghi ngờ thì mới chí thành phát nguyện, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Đã chí thành phát nguyện như vậy thì tất sẽ tha thiết niệm Phật cầu vãng sanh, nên:

Trí Húc đại sư nói: "Nguyện là điều cần nhất. Phật chỉ nói một chữ nguyện, nhưng phải hiểu cả tín và hạnh đều nằm trong chữ nguyện đó".

Như vậy chữ phát nguyện ở đây gồm 3 nghĩa: Hoàn toàn tin kinh A Di Đà (*tín*), chí thành tha thiết nguyện được sanh về thế giới Cực Lạc (*nguyện*) và niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà,

cầu được Phật tiếp dẫn khi lâm chung (*hạnh*).

a. ***Tín*: *Tin kinh A Di Đà.*** Hoàn toàn tin những điều Phật nói trong kinh A Di Đà: Tin có thế giới Cực Lạc; tin có đức Phật A Di Đà...Tin rằng nếu hết lòng nguyện được sanh về thế giới Cực Lạc mà chuyên tâm niệm Phật thì được tất cả chư Phật hộ niệm và chắc chắn khi lâm chung sẽ được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới của ngài, thoát hẳn sanh tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, lên thẳng ngôi Bất Thoái.....

Lòng tin là điều cần có trước tiên của người tu, nên *kinh Hoa Nghiêm, phẩm 12, Hiển Thủ chép: "*Lòng tin là bước đầu vào đạo, là mẹ của tất cả các công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành, dứt hẳn cội phiền não, thành tựu quả Bồ Đề của Phật..."

b. ***Nguyện*: *Nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.*** Tin những lời đức Phật Thích Ca nói, thì phải phát tâm cầu thoát ly cõi Sa Bà đầy khổ lụy, chướng duyên (*duyên chướng ngại, cản trở việc tu hành*), nguyện sanh về miền Cực Lạc an vui, thanh tịnh, trang nghiêm để tiến tu, hoàn thành mục đích độ[13] mình, độ người.

Phát nguyện phải chí thành, tha thiết. Phải hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà phát nguyện, không mong muốn điều gì khác. Nếu miệng nguyện vãng sanh, nhưng

tâm lại chỉ mong cầu những lợi ích thế gian, không thực lòng muốn sanh về thế giới Cực Lạc, thì là nguyện giả, chẳng được lợi ích.

Vì vậy, *Ấn Quang đại sư khuyên*: "Làm bất cứ việc gì: Thiện thì hồi hướng cầu vãng sanh, ác thì sám hối nguyện vãng sanh, không mong cầu việc gì khác."

c. ***Hạnh*: *Niệm Phật cầu được vãng sanh***. Thật lòng nguyện vãng sanh thì phải thực hành những điều Phật dạy trong kinh A Di Đà để được vãng sanh. *Phật nói*: "Không thể dùng chút ít thiện căn phước đức mà được sanh về thế giới Cực Lạc". Phải có nhiều thiện căn phước đức mới được sanh về đó, nghĩa là phải niệm Phật nhiều[34] .

Kinh Lăng Nghiêm, chương Niệm Phật Viên Thông chép: "Thập phương Như Lai thương tưởng chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn tránh, thì tuy mẹ nhớ nào có ích gì. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì đời đời mẹ, con không cách xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện nay hay về sau nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, không cần dùng phương tiện chi khác mà tự được khai ngộ."

45. **Đời năm thứ ác trược.** Đời 5 thứ ác trược là đời có 5 thứ vẩn đục, độc ác:

a. ***Kiếp trược***: là thời đại có toàn những pháp vẩn đục, nhiều tệ đoan, tội ác, thiên tai.

b. ***Kiến trược***: là thời đại có 5 thứ tà kiến, làm cho chúng sanh tối tăm, mù quáng, đắm chìm, vẩn đục. Năm thứ tà kiến này là:

- *Thân kiến là* si mê, lầm tưởng thấy thân ta và những thứ của ta là thật có.
- *Biên kiến* là không tin các nghiệp do thân, miệng, ý tạo ra được tích lũy vào trong tạng thức[34b], đợi trổ qủa, nhân nào qủa nấy; khi chết, tạng thức mang nghiệp sang kiếp khác, tùy nghiệp mà vào cảnh giới mới.
  - Hoặc chấp thân này là ta thì khi thân chết là hết. Ta đoạn diệt.
  - Hoặc chấp hồn của ta là ta; khi thân chết, hồn không mất, ta vẫn tồn tại và không thay đổi. Ta thường trụ.
- *Kiến thủ kiến là* học theo những ý kiến, chủ nghĩa tà ngụy của những tà thuyết, tà đạo, cho là mầu nhiệm.
- *Giới thủ kiến là* học theo những giới luật nhảm nhí của bọn tà ma, cho là chân chánh và sẽ đắc đạo.
- *Tà kiến là* học theo những lý luận, những chủ nghĩa, đạo giáo sai lầm, cho là đời người không có nhân, không có qủa, không có thiện báo, ác báo.

c. ***Phiền não trược*** là thời đại có 5 thứ phiền

não, ngấm ngầm sai khiến con người:

- *Tham lam*: Yêu thích, ham muốn.
- *Sân hận*: Giận dữ, thù hằn.
- *Si mê*: Ngu dốt, mê muội.
- *Man*: Kiêu ngạo, khinh người, trịch thượng.
- *Nghi ngờ*: Không có tín tâm chân thật.

d. ***Chúng sanh trược.*** Chúng sanh gọi là trược vì thân chứa những thứ nhơ nhớp và tâm vẩn đục: vọng tưởng, chấp trước.

e. ***Mạng trược*** là mạng sống ngắn ngủi.

Việc rất khó, hiếm có. Vì có 5 thứ ác trược, nên ở thế giới Sa Bà mà được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác[43] và nói ra kinh A Di Đà rất khó tin đối với chúng sanh ở thế giới này, là những việc rất khó, hiếm có ai làm được.

46. **Kinh pháp khó tin.**

Kinh A Di Đà, pháp Niệm Phật rất khó tin, vì:

a. Phàm phu không thể dùng sự thấy, biết của mình để suy ra cảnh Thánh ở cõi Cực Lạc.

b. Thanh Văn đã chứng Sơ, Nhị, Tam quả[30] (*Tiểu thừa*), Bồ Tát thuộc địa vị Lục tín[9] (*Đại thừa*), còn chưa thoát sanh tử (*lời giảng của Tổ Ấn Quang*), thì làm sao phàm phu tin được chỉ niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà từ 1 đến 7 ngày mà vĩnh viễn thoát sanh tử luân hồi ngay trong hiện đời được!

Tuy rất khó tin, nhưng Niệm Phật lại là một

pháp tu rất nhiệm mầu: Dễ dụng công, rất an ổn, mau thành tựu (*nhận xét của Triệt Ngộ đại sư, Tổ thứ 12 của Tịnh Độ tông Trung Hoa*).

a. ***Dễ dụng công*** vì**:**

- Già, trẻ, tại gia, xuất gia, người học cao, kẻ không biết một chữ, ai cũng có thể niệm Phật được.
- Bất cứ lúc nào, ở đâu, cũng niệm Phật được, chỉ trừ khi dụng tâm làm việc.

b. ***Rất an ổn*** vì hết lòng tin ưa, mong muốn sanh về thế giới của đức Phật A Di Đà mà niệm Phật thì:

- Được tất cả chư Phật hộ niệm[40] (*kinh A Di Đà*)*:* Tu hành tiến bộ, không bị thoái chuyển trong đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác[43].
- Được đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp lấy: Tham, sân, si diệt, thiện sanh; thân, ý nhu nhuyễn[28a].
- Được 25 vị đại Bồ Tát như Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát.....Vô Biên Thân Bồ Tát giúp đỡ. (*Kinh Phật Thuyết Thập Vãng Sanh A Di Đà Phật Quốc*): Chuyển hoá được mọi nghịch cảnh, thoát mọi tai nạn, khỏi mọi bệnh tật, an vui, tự tại.
- Diệt được vô lượng tội. *Kinh Quán Vô Lượng Thọ chép*: "Chí tâm niệm Phật một

tiếng diệt tội sanh tử 80 ức kiếp": Các oán gia, trái chủ không theo báo thù.

- Khi mạng chung, tâm không điên đảo, thấy đức Phật A Di Đà và thánh chúng tới đón (*Ba kinh Tịnh Độ*): Không buồn rầu, lo sợ khi mạng chung.

c. ***Mau thành tựu*** vì nếu hết lòng tin ưa mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà chuyên tâm niệm Phật thì thoát luân hồi sanh tử ngay trong hiện đời, chứng (*đạt được*) ngôi Bất Thoái (*Kinh A Di Đà*).

Vì vậy:

a. *Chư Phật ở 6 phương và đức Phật Thích Ca* đều ân cần khuyên chúng sanh: Nên tin kinh A Di Đà.

Đức Thích Ca nhiều lần nhắc chúng sanh: Nên phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc.

Đức Phật Thích Ca khuyên chúng sanh: Nên niệm Phật cầu vãng sanh.

Ba lời khuyên này là Tông chỉ của pháp môn Niệm Phật, gọi tắt là: Tín, Nguyện và Hạnh.

b. *Các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Ban Chu Tam Muội, Đại Bảo Tích.*....đều tuyên dương pháp Niệm Phật.

c. *Hai đại Bồ Tát Mã Minh, Long Thọ* soạn luận hoằng dương pháp môn Tịnh Độ.

d. *Các Tổ sư của tông Tịnh Độ Trung Hoa từ Huệ Viễn đại sư cho tới Ấn Quang đại sư,*

phần nhiều là cao tăng ở những tông khác, sau mới tu theo Tịnh độ, đều khuyên dạy người niệm Phật.

e. Rất nhiều cao tăng ở các tông khác khuyên, dạy người niệm Phật:

- *Thiên Y Hoài thiền sư, Tử Tâm Tân thiền sư, Viên Chiếu Bản thiền sư, Từ Thọ Thâm thiền sư, Nam Nhạc Tư thiền sư, Pháp Chiếu thiền sư, Tịnh Yết thiền sư, Tịnh Từ Đại Thông thiền sư, Thiên Thai Hoài Ngọc thiền sư, Đạo Trân thiền sư, Đạo Xước thiền sư, Tỳ Lăng Pháp Chân thiền sư, Cô Tô Thủ Nạp thiền sư, Bắc Nhàn Giản thiền sư, Thiên Mục Lễ thiền sư*.....là những vị siêu xuất bên Thiền tông, sau khi được minh tâm (*tâm được sáng suốt*) kiến tánh (*thấy được Phật tánh nơi mình*), đều hướng về Tịnh Độ, khuyên dạy người niệm Phật.

  Cận đại, *hai đại sư Hư Vân và Viên Anh* bên Thiền đều có viết sách truyền bá và đề cao pháp môn Tịnh Độ. *Hư Vân thiền sư* là bậc siêu ngộ[37], ở thiền đường thì ngài giảng về đạo lý tham thiền, ở niệm Phật đường ngài lại khuyên dạy người niệm Phật.

- *Tổ sư khai sáng Duy Thức tông Trung Hoa là ngài Huyền Trang*, khi thỉnh kinh từ Ấn Độ về có đem theo quyển kinh A Di Đà

bằng Phạn văn, dịch ra Hán văn, nhan đề là Xưng Tán Tịnh Độ Nhiếp Thọ Kinh. *Tổ thứ hai bên Duy Thức là Khuy Cơ đại sư* viết A Di Đà Kinh Sớ và 3 quyển A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ. *Thái Hư đại sư*, một cao tăng của tông Duy Thức thời cận đại ở Trung Hoa, giảng thuyết về niệm Phật.

- *Hoằng Nhất đại sư bên Luật tông, Trí Giả đại sư và Đế Nhàn đại sư của tông Thiên Thai* đều có viết sách truyền bá và đề cao pháp môn Tịnh Độ....

(*Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm, chương 3* và *Tịnh Độ Hoặc Vấn của Thiền sư Thiên Như Duy Tắc*.)

47**. Kinh pháp khó nói.** Kinh A Di Đà khó nói vì:

a. Trước khi Phật nói kinh này, chưa ai ở Sa Bà nghe nói đến thế giới Cực Lạc hay Phật A Di Đà. Phải được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác[43] mới biết rõ về thế giơi Cực Lạc và đức Phật A Di Đà, mới hiểu rõ về pháp môn Niệm Phật, mới thuyết kinh A Di Đà được.

b. Ở các cõi Tịnh, chúng sanh tâm tịnh, nghiệp không (*không còn nghiệp*), nên nói pháp dễ.

Ở các cõi Uế (*dơ bẩn*), chúng sanh tâm tạp (*tâm nghĩ tưởng lung tung*), nghiệp nặng, nên nói pháp khó. Nói những pháp tu từ từ, dễ hiểu, từ trình độ thấp tới trình độ cao hơn,

cũng đã rất khó. Nói pháp tu tắt, khó tin, khó hiểu "*Chỉ niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà mà thoát khổ sanh tử luân hồi ngay trong hiện đời, tiến thẳng lên ngôi Bất Thoái ....*" lại càng khó hơn.

48. **Vui mừng, tin, thọ, làm lễ, rồi đi**, dịch từ câu kinh tiếng Hán "*Hoan hỷ, tín, thọ, tác lễ, nhi khứ*".

Trí huệ Phật thấy cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín. Mặc dù không ai hỏi mà tự Phật nói ra pháp này, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích:

a. ***Vui mừng***: Vui mừng vì được nghe Phật nói pháp mầu nhiệm: *Thoát sanh tử luân hồi ngay trong hiện đời, lên thẳng ngôi Bất Thoái, Nhất Sanh Bổ Xứ....*

b. ***Tín, thọ***: Trong tâm không còn nghi ngờ một tí nào nên gọi là tin. Lãnh nạp những điều Phật dạy trong kinh vào tâm chẳng phút nào quên để y theo đó tu hành nên gọi là thọ.

c. ***Làm lễ***: Lễ Phật, đem thân mạng quay về nương tựa Phật. Như thế gọi là làm lễ.

d. ***Rồi đi***: *Trí Húc đại sư giảng*: "Người nghe kinh, tự mình thực hành những điều Phật dạy, tu hành tiến bộ mãi, không thoái chuyển; đem kinh này đi lưu thông, truyền bá khắp nơi, làm lợi ích chúng sanh, để báo đền ơn Phật. Đây là ý nghĩa của hai chữ rồi đi."

TÓM TẮT

1. Thế giới Cực Lạc.

Thế giới Cực Lạc rất đẹp, rất trang nghiêm và thanh tịnh. Được sanh về thế giới ấy thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh, tử luân hồi, không chịu những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, xum họp với những thượng thiện nhân, lên ngôi Bất Thoái .v..v...

2. Điều kiện để được sanh về thế giới Cực Lạc.

***Muốn được sanh về thế giới Cực Lạc thì phải*:**

a. ***Hoàn toàn tin những điều đức Phật Thích Ca nói trong kinh A Di Đà*:**

Tin có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà.

Tin rằng: Nếu hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà thì:

- Được tất cả chư Phật ở khắp mọi phương thương nhớ, giúp cho không bị thoái chuyển trong đạo Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác[43].

- Được đức Phật A Di Đà phóng quang nhiếp thọ.
- Khi lâm chung được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc.

Tin như vậy là điều kiện căn bản để được vãng sanh, nên tất cả chư Phật đều khuyên chúng sanh nên tin.

b. ***Tha thiết nguyện sanh về thế giới Cực Lạc***.

Đây là điều kiện cần thiết nhất để được vãng sanh nên đức Phật Thích Ca đã nhiều lần ân cần, nhắc đi, nhắc lại là nên nguyện sanh về thế giới ấy. Thậm chí Phật còn nhấn mạnh là hễ phát nguyện thì được vãng sanh:

- "Chúng sanh nào nghe được những lời này thì nên phát nguyện, nguyện sanh Cực Lạc. Tại vì sao vậy? Vì được cùng với các thượng thiện nhân sum họp một chỗ."
- "Nếu những người nào đã phát nguyện rồi, hiện đang phát nguyện hay sẽ phát nguyện mong muốn được sanh sang nước của đức Phật A Di

Đà, thì những người ấy đều không thoái chuyển trong đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác[43]; hoặc họ đã sanh, hoặc là đang sanh, hoặc là sẽ sanh vào cõi nước kia."

c. ***Có nhiều thiện căn, phước đức.***

Việc làm dễ có nhiều thiện căn, phước đức nhất là niệm Phật[34].

- Vì định tâm niệm Phật có vô lượng thiện căn, phước đức hơn tán tâm niệm Phật[34], nên: Càng chuyên tâm để niệm Phật thì càng tốt.
- Niệm Phật càng nhiều thì thiện căn, phước đức càng nhiều.

Đặc biệt: Tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu của đức Phật A Di Đà hoặc trong 1 ngày, hoặc trong 2 ngày, hoặc trong 3 ngày, hoặc trong 4 ngày,....., hoặc trong 7 ngày một lòng không loạn, thì khi lâm chung được sanh về thế giới Cực Lạc, ở phẩm Thượng.

Bài đọc thêm.

VÀI LỜI NÓI PHÁP.

1. Vài lời về điều kiện để được vãng sanh.

a. *Ngẫu Ích đại sư, Tổ thứ 9 của Tịnh Độ tông Trung Hoa nói*: "Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có *tín, nguyện* hay không. Phẩm vị cao hay thấp là do *công phu niệm Phật* sâu hay cạn. *Nếu tín, nguyện bền chắc*, *khi lâm chung chỉ xưng danh hiệu A Di Đà Phật 10 niệm hay 01 niệm* cũng quyết được vãng sanh. Trái lại, *công phu niệm Phật vững như vách sắt tường đồng* mà *tín nguyện yếu*, kết quả chỉ hưởng được phước báo ở cõi Trời, cõi Người mà thôi."

b. *Ấn Quang đại sư, Tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông Trung Hoa nói*: "Người tu niệm Phật *phải lấy lòng tin chân thành, nguyện thiết tha làm gốc*. Người đời phần nhiều chú trọng *một lòng không loạn*, chẳng chú trọng *tín, nguyện*, tức là đã đánh mất cái quan trọng, cốt lõi nhất.

Nếu có lòng tin chân thành, nguyện tha thiết:

- *Niệm lực tinh thuần*, thì ngay trong hiện đời cũng có thể chứng Thánh, lâm chung lên ngay Thượng phẩm.
- *Dù căn cơ hèn kém, chưa làm được như thế, tâm chưa được thanh tịnh*, lúc lâm

chung cũng được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn."

2. Vài lời về chữ tín trong pháp Niệm Phật.

a. *Đại sư Ngẫu Ích giảng*: "Niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà là pháp tu để đạt được quả giác ngộ của Phật[3]. Chỉ có chư Phật mới thấu suốt hết được. Pháp môn này về phần rộng thì bao hàm tất cả 8 giáo môn của Phật (*Đốn giáo, Tiệm giáo, Bất định giáo, Bí mật giáo, Tạng giáo, Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo*), về phần sâu thì thông suốt được tất cả 5 thời kỳ Phật nói pháp (*Thời Hoa Nghiêm, thời A Hàm, thời Phương Đẳng, Thời Bát Nhã và thời Pháp Hoa-Niết Bàn*). Pháp môn Niệm Phật rất thâm diệu, phá hết thảy mọi lý luận (*lời bàn suông*), diệt hết thảy mọi ý kiến (*tà kiến*). Chỉ có những bậc đại sư như các ngài Mã Minh (*Tổ thứ 12 chánh truyền*[2]), Long Thọ (*Tổ thứ 14 chánh truyền*[2]), Trí Giả (*Sơ Tổ của tông Thiên Thai Trung Hoa*), Vĩnh Minh (*Tổ thứ 6 của Tịnh Độ tông Trung Hoa*) mới triệt để gánh vác được mà đi thực hành tế độ (*Tế độ chúng sanh là cứu chúng sanh, đưa qua sông mê, tới bờ giác ngộ*). Còn những người giầu trí huệ thế gian, tài thông minh biện bác, thông cả Nho và Thiền thì càng suy nghĩ càng cách xa, chẳng bao giờ tới được. Những người này lại không bằng mấy người thật thà, ngu độn, chịu khó

niệm Phật cầu vãng sanh, được đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về thế giới Cực Lạc khi mạng chung."

b. *Pháp Nhiên thượng nhân, khai Tổ của Tịnh Độ tông Nhật Bản giảng*: "Tu Thánh Đạo môn (*tất cả mọi pháp môn ngoại trừ pháp môn Tịnh Độ*) thì phải dùng tột cùng trí huệ để lìa sanh tử. Còn tu Tịnh Độ môn thì trở lại ngu si (*không thắc mắc, nghi ngờ, tìm hiểu, lý luận*....) để vãng sanh. Bởi thế, khi hướng về Thánh Đạo môn thì lấy trau dồi trí huệ, giữ gìn giới cấm, rèn luyện tâm tánh làm tông chỉ. Còn bước vào Tịnh Độ môn thì chẳng dựa vào trí huệ, chẳng lo tròn đạo hạnh, chẳng cần điều hòa tâm tánh; chỉ cần thấy mình là người vô năng, vô trí, hoàn toàn tin lời Phật dạy, nương vào nguyện lực của đức A Di Đà mà niệm Phật để được vãng sanh."

3. Vài lời về chữ nguyện.

a. *Triệt Ngộ đại sư, Tổ thứ 12 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng*: "Chúng ta từ vô lượng kiếp tới nay, sống chết luân hồi, đã khổ rất nhiều, khi một niệm sai lầm, liền sa vào ác đạo, nên phải chuyên tâm tu hành để sớm thoát vòng sanh tử.

Chúng sanh có cùng một bản thể với chúng ta, là cha mẹ của chúng ta trong nhiều kiếp, là

chư Phật đời vị lai, nên chúng ta phải phát đại tâm cứu độ họ, không thể chỉ lo giải thoát riêng mình. Nếu chẳng phát đại tâm thì ngoài không thể cảm thông với Phật, trong không thể hợp với chân tánh[14], trên không thể trọn qủa Bồ Đề (*qủa giác ngộ hoàn toàn của Phật*), dưới không thể độ khắp muôn loài. Như thế làm sao báo đền người ơn nhiều kiếp, trả nợ oán gia nhiều đời, thành tựu căn lành đã gieo trồng từ xưa, sám trừ tội nghiệp đã tạo ra trong qúa khứ? Tu hành như vậy sẽ gặp chướng duyên[44], dù có thành tựu thì cũng rất thấp.

Do đó chúng ta phải nguyện phát tâm Bồ Đề[34], dùng tín, nguyện sâu trì[41] danh hiệu Phật để được sanh về thế giới Cực Lạc khi mạng chung, thoát khổ sanh tử luân hồi, tu hành đắc đạo, trở lại Sa Bà[13], hóa độ[13] chúng sanh."

b. *Tổ Ấn Quang nói*: "Có nhiều bài văn phát nguyện. Chọn một bài thích hợp với mình để đọc, hoặc tự đặt ra bài phát nguyện ngắn gọn cho riêng mình. Khi đọc bài văn phát nguyện, phải chí thành và cung kính, y theo nghĩa trong văn mà phát tâm thì mới được lợi ích."

4. Vài lời về chữ hạnh trong pháp Niệm Phật.

a. ***Càng chuyên tâm để niệm Phật thì càng tốt.***

Vì phải hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A

Di Đà thì khi lâm chung mới được Phật tiếp dẫn và vì định tâm niệm Phật có vô lượng thiện căn phước đức hơn tán tâm niệm Phật nên không thể chỉ dùng miệng niệm Phật, còn tâm chẳng muốn vãng sanh, cứ nghĩ, tưởng lung tung.

- *Ấn Quang đại sư giảng*: "Phương pháp dụng công niệm Phật hay nhất là: Nhiếp trọn 6 căn, tịnh niệm tiếp nối. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng phát ra nơi miệng, âm thanh lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn. Nhiếp trọn 6 căn là: Tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật là thâu nhiếp ý căn; miệng niệm rõ ràng rành rẽ là thâu nhiếp thiệt căn; tai nghe rõ ràng rành rẽ là thâu nhiếp nhĩ căn. Gom 3 căn này vào Phật hiệu thì 3 căn còn lại cũng bị thâu nhiếp: Mắt không thể nhìn loạn, mũi không thể rong ruổi theo bên ngoài, thân chẳng đến nỗi phóng túng.

  Nhưng mới niệm Phật, ai lại chẳng có vọng tưởng, cốt sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng (*Giác là biết. Chiếu là chiếu soi, thấy thật rõ mình vẫn chuyên chú niệm Phật hay đang chuyển theo vọng tưởng*). Nếu vọng tưởng nổi lên quá nhiều thì nên áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số: Vừa niệm Phật vừa

thầm ghi nhớ từ câu Phật hiệu thứ nhất tới câu Phật hiệu thứ 10, rồi trở lại từ câu thứ nhất, cứ như thế xoay vần mãi."

- *Liên Trì đại sư, Tổ thứ 8 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng*: "Tâm hôn loạn đã lâu (*Hôn là mê muội. Loạn là không an*), không thể một lúc mà an định được (*Tâm định là tâm an trú trên đối tượng, không nghĩ tưởng lung tung*). Cho nên người mới niệm Phật, nếu tâm không an định, đừng quá lo. Chỉ cần mỗi chữ, mỗi câu đều do nơi tâm phát ra, khi tán loạn liền mau thâu nhiếp (*khi vọng tưởng vừa mới nổi lên, liền thâu ngay tâm lại, chuyên chú niệm Phật; không nghĩ, tưởng lung tung nữa*). Cứ niệm Phật như thế mãi, lâu ngày công phu thuần thục, vọng niệm không sanh. Dụng công bền lâu, tự có hiệu quả."

b. *Niệm Phật càng nhiều càng tốt.*

- *Sách Tư Quy Tập chép*: "Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh nói: Pháp môn Tịnh Độ không ngoài hai chữ chuyên cần. Chuyên thì chỉ xưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà, không thêm một việc chi khác. Cần thì không bỏ phí một phút, một giây."
- *Thiện Đạo đại sư, Tổ thứ 2 của Tịnh Độ tông Trung Hoa giảng:* **"**Xưng danh hiệu của đức Phật A Di Đà là hạnh dễ làm. Nếu

có thể giữ được niệm, niệm nối nhau, tu như thế suốt đời thì mười người tu, mười người vãng sanh, trăm người tu, trăm người về Cực Lạc thế giới. Người niệm Phật đi, đứng, ngồi, nằm, phải cố gắng nhiếp tâm, ngày đêm chớ rời Thánh hiệu, quyết giữ đến hơi thở cuối cùng (*Nhiếp là thâu phục. Thâu phục tâm, tập cho tâm niệm Phật, thay vì nghĩ tưởng lung tung*). Như thế, tới lúc mãn phần, niệm trước vừa dứt, niệm sau liền sanh Cực Lạc."

- ***Chú ý***: Lúc bình thường niệm Phật to tiếng hay niệm thầm, tùy ý. Nhưng khi ở những nơi bất tịnh, khi y phục không chỉnh tề thì phải niệm thầm, nếu niệm ra tiếng thì mắc lỗi không cung kính.

5. Vài lời về sự chí thành khẩn thiết.

a. *Lời khuyên của Vĩnh Minh đại sư, Tổ thứ 6 của Tịnh độ tông Trung Hoa*: "Lễ bái, niệm Phật, phát nguyện phải khẩn thiết, chí thành như người đang ở lao tù, như người bị giặc rượt bắt, như người bị nước cuốn trôi, như người sắp bị lửa thiêu đốt, một lòng cầu cứu."

b. *Lời khuyên của Ấn Quang đại sư*: "Thân người khó có, Phật pháp khó được nghe, pháp môn niệm Phật lại càng khó gặp. Đây là pháp mầu nhiệm của đức Như Lai, giúp chúng

sanh chuyển hóa được mọi nghịch cảnh, thoát khổ sanh tử luân hồi ngay trong hiện đời, hưởng những điều vui, lên thẳng ngôi Bất Thoái....[46]

Nay chúng ta đã có thân người, lại được biết pháp môn niệm Phật, nếu bỏ qua cơ hội rất hiếm có này, không chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu được vãng sanh; một khi Vô Thường đến, sẽ lại phải tiếp tục trôi lăn trong vòng luân hồi sanh tử, bị đọa trong các cõi ác, chịu khổ rất lâu dài, biết chừng nào mới được thoát ly! Dù có được trở lại làm người hay được sanh lên các cõi Trời, thì khi hưởng hết phước ở các cõi lành này, lúc chết tất cũng bị đọa vào các cõi ác!"

6. **Tóm lại:** ***Muốn được sanh về thế giới Cực Lạc thì phải:***

a. Tin*:*

- Có thế giới Cực Lạc, có đức Phật A Di Đà.
- Nếu hết lòng mong muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà cầu được vãng sanh thì khi lâm chung chắc chắn được Phật tiếp dẫn về thế giới ấy, thoát khổ sanh tử luân hồi, hưởng những điều vui, xum họp với những thượng thiện nhân, lên ngôi Bồ Tát Bất Thoái....

b. ***Niệm Phật cầu vãng sanh*****.**

Vì Vô Thường không hẹn và khi đã chết rồi thì rất dễ bị đoạ vào ác đạo, chịu khổ rất lâu dài, không biết đến khi nào mới có thể thoát ra, nên phải khẩn thiết niệm Phật cầu vãng sanh như người bị giặc rượt bắt, như người bị nước cuốn trôi, một lòng cầu cứu.

- *Trong thời khóa tu Niệm Phật*.
  - Phương pháp niệm Phật hay nhất là: Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng phát ra nơi miệng, âm thanh lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn. Nhiếp trọn sáu căn là: Tâm niệm Phật chuyên chú nơi danh hiệu Phật là thâu nhiếp ý căn; miệng niệm rõ ràng, rành rẽ là thâu nhiếp thiệt căn; tai nghe rõ ràng, rành rẽ là thâu nhiếp nhĩ căn. Gom ba căn này vào Phật hiệu, thì ba căn còn lại cũng bị thâu nhiếp: Mắt không thể nhìn loạn; mũi không thể rong ruổi theo bên ngoài; thân chẳng đến nỗi phóng túng.
  - Nhưng mới niệm Phật, ai chẳng có vọng tưởng. Cốt sao phải sớm biết vọng tưởng nổi lên, không theo.

    Nếu vọng tưởng nổi lên qúa nhiều thì áp dụng pháp Thập Niệm Ký Số: Vừa niệm Phật, vừa thầm ghi nhớ từ câu Phật hiệu thứ nhất tới câu Phật hiệu thứ

mười, rồi trở lại từ câu thứ nhất...

- Cứ niệm Phật như thế mãi, vọng tưởng giảm dần, lâu ngày công phu thuần thục, vọng niệm không sanh. Dụng công bền lâu, tự có hiệu qủa.

- *<u>Ngoài thời khóa niệm Phật</u>.* Phải chuyên cần niệm Phật. Chuyên thì chỉ niệm danh hiệu của đức Phật A Di Đà cầu vãng sanh, không thêm một việc chi khác. Cần thì không bỏ phí một phút, một giây (*Nên niệm thầm để đỡ hao hơi*). Đi, đứng, ngồi, nằm, không lúc nào rời Thánh hiệu.

c. *Hồi hương, phát nguyện*.

Đem tất cả công đức niệm Phật và những công đức làm các việc lành khác nếu có, hồi hướng nguyện vãng sanh Cực Lạc (*để thoát khổ luân hồi, tu hành đắc đạo, trở lại Sa Bà hóa độ*[13] *chúng sanh*). Đây là điều kiện quan trọng nhất để được vãng sanh nên: Hồi hướng, phát nguyện phải chí thành, tha thiết. Nếu như miệng thì hồi hướng, phát nguyện vãng sanh, nhưng tâm lại chỉ mong muốn những lợi ích thế gian thì là hồi hướng, phát nguyện giả, chẳng được lợi ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Yếu Giải của Trí Húc đại sư.
2. Kinh Vô Lượng Thọ.
3. Kinh Quán Vô Lượng Thọ.
4. Kinh Hoa Nghiêm.
5. Kinh Pháp Hoa.
6. Kinh Lăng Nghiêm.
7. Văn Sao của Ấn Quang đại sư.
8. Quê hương Cực Lạc của Hòa Thượng Thích Thiền Tâm.
9. Niệm Phật Thập Yếu của Hoà Thượng Thích Thiền Tâm.
10. Niệm Phật Tông Yếu của Pháp Nhiên Thượng Nhân.

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này,
Hướng về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh,
Đều sanh về Cực Lạc.